

Số: /2025/QĐ-UBND

Lạng Sơn, ngày tháng 9 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành quy định về số lượng, chủng loại, phương thức quản lý xe ô tô phục vụ công tác chung và tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Lạng Sơn

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH16;

Căn cứ Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô;

Căn cứ Nghị định số 153/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô;

Căn cứ Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 361/TTr-STC ngày 30 tháng 8 năm 2025.

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định ban hành quy định về số lượng, chủng loại, phương thức quản lý xe ô tô phục vụ công tác chung và tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Lạng Sơn.

Điều 1. Ban hành quy định về số lượng, chủng loại, phương thức quản lý xe ô tô phục vụ công tác chung và tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Lạng Sơn như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Quyết định này quy định số lượng, chủng loại xe ô tô phục vụ công tác chung và tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Lạng Sơn theo quy định tại khoản 5, tiết b5 điểm b khoản 6 Điều 8, điểm b khoản 2 Điều 17 của Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Chính phủ, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 153/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ.

b) Quyết định này không áp dụng đối với: tiêu chuẩn, định mức xe ô tô của Văn phòng Tỉnh uỷ, cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Tỉnh uỷ (trừ Đảng uỷ cấp xã); tiêu chuẩn, định mức xe ô tô phục vụ công tác chung của các

hội quần chúng; tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng thuộc lĩnh vực y tế và xe ô tô chuyên dùng của đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên, chi đầu tư.

2. Đối tượng áp dụng

a) Cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh: khối Văn phòng cấp tỉnh gồm Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh; sở, ban, ngành cấp tỉnh; đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ban Quản lý dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước.

b) Cơ quan, đơn vị cấp xã: Đảng ủy các xã, phường; Ủy ban nhân dân các xã, phường.

3. Số lượng, chủng loại xe ô tô phục vụ công tác chung theo tiêu chuẩn, định mức của Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh; sở, ngành cấp tỉnh; đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh; các xã, phường chi tiết tại Phụ lục 01 kèm theo Quyết định này.

4. Tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; sở, ngành cấp tỉnh (không bao gồm Sở Y tế, đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên, chi đầu tư); đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; các xã, phường chi tiết tại Phụ lục 02 kèm theo Quyết định này.

5. Phương thức quản lý xe ô tô phục vụ công tác chung đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh: giao cho từng đơn vị có tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô trực tiếp quản lý, sử dụng xe ô tô để phục vụ công tác chung của đơn vị (gọi là phương thức quản lý trực tiếp).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện việc quản lý, xử lý xe ô tô theo tiêu chuẩn, định mức, phương thức quy định tại Điều 1 Quyết định này và theo quy định tại Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26 tháng 9 năm 2023, Nghị định số 153/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ, các quy định pháp luật có liên quan.

2. Các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh được giao trực tiếp quản lý xe ô tô tại khoản 3 Điều 1 Quyết định này có cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc có trách nhiệm quyết định phương thức quản lý xe ô tô tại các đơn vị thuộc, trực thuộc theo quy định tại Điều 14a Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26 tháng 9 năm 2023, được bổ sung bởi khoản 7 Điều 1 Nghị định số 153/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ.

3. Giao Sở Tài chính triển khai, hướng dẫn các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Lạng Sơn tổ chức thực hiện các nội dung tại Quyết định này bảo đảm theo đúng quy định.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 17 tháng 9 năm 2025.
2. Quyết định này thay thế Quyết định số 23/2024/QĐ-UBND ngày 08 tháng 8 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành số lượng, chủng loại, phương thức quản lý xe ô tô phục vụ công tác chung và tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Lạng Sơn.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, Bí thư Đảng uỷ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đảng ủy UBND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý XLVPHC (Bộ Tư pháp);
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Báo và Đài PTTH Lạng Sơn, Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- PCVP UBND tỉnh, Phòng CM;
- Lưu: VT, KTTH(NTA).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đoàn Thanh Sơn

PHỤ LỤC 01
SỐ LƯỢNG, CHỦNG LOẠI XE Ô TÔ PHỤC VỤ CÔNG TÁC CHUNG CỦA CÁC CƠ QUAN,
TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA TỈNH LẠNG SƠN

(Kèm theo Quyết định số 73 /2025/QĐ-UBND ngày 06/9/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn)

(Đơn vị tính: chiếc)

STT	Cơ quan/Đơn vị	Số lượng xe ô tô phục vụ công tác chung				Số lượng, chủng loại xe ô tô phục vụ công tác chung theo quy định tại khoản 5 Điều 8 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP, sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 153/2025/NĐ-CP		Ghi chú
		Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô theo khoản 1 và điểm a, b, c, d, e, g khoản 3 Điều 11, điểm a, khoản 1 Điều 14 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP; khoản 5, khoản 6 Điều 1 Nghị định số 153/2025/NĐ-CP	Bổ sung định mức tối đa sử dụng xe ô tô theo Khoản 1 và điểm h Khoản 3 Điều 11 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP; khoản 5 Điều 1 Nghị định số 153/2025/NĐ-CP	Số lượng xe ô tô phục vụ công tác chung	Chủng loại xe ô tô phục vụ công tác chung	Số lượng xe ô tô phục vụ công tác chung	Chủng loại xe ô tô phục vụ công tác chung/Nhiệm vụ	
A	B	(1)	(2)	(3)=(1)+(2)	(4)	(5)	(6)	(7)
	Tổng cộng (A+B)			230		27		
A	KHỐI TỈNH	78	22	100		27		
I	KHỐI CÁC VĂN PHÒNG CẤP TỈNH	10	6	16		2		
1	Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh	5	3	8	Xe ô tô từ 4 đến 8 chỗ ngồi	1	Từ 12 đến 16 chỗ/Phục vụ Hội đồng nhân dân tỉnh kiểm tra, giám sát thực hiện các nhiệm vụ phòng chống cháy rừng, phòng chống dịch bệnh trong nông nghiệp thuộc phạm vi quản lý của tỉnh	
2	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	5	3	8	Xe ô tô từ 4 đến 8 chỗ ngồi (bao gồm 01 xe công suất lớn với mức giá tối đa 2.800 triệu đồng)	1	Từ 12 đến 16 chỗ/Phục vụ Ủy ban nhân dân tỉnh kiểm tra, giám sát thực hiện các nhiệm vụ phòng chống cháy rừng, phòng chống dịch bệnh trong nông nghiệp thuộc phạm vi quản lý của tỉnh	
II	ỦY BAN MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM TỈNH	4	1	5	Xe ô tô từ 4 đến 8 chỗ ngồi			
III	SỞ, NGÀNH CẤP TỈNH	53	15	68		25		
1	Sở Tài chính	3	1	4	Xe ô tô từ 4 đến 8 chỗ ngồi			
2	Sở Nội vụ	4	1	5	Xe ô tô từ 4 đến 8 chỗ ngồi			
3	Sở Công Thương	5	1	6	Xe ô tô từ 4 đến 16 chỗ ngồi	8		
3.1	Sở Công Thương	2	1	3				
3.2	Chi cục Quản lý thị trường	3		3		11	Bán tải/Phục vụ công tác quản lý thị trường	
4	Sở Ngoại vụ	1	1	2	Xe ô tô từ 4 đến 8 chỗ ngồi			
5	Thanh tra tỉnh	3	1	4	Xe ô tô từ 4 đến 16 chỗ ngồi			
6	Sở Dân tộc và Tôn giáo	1	1	2	Xe ô tô từ 4 đến 8 chỗ ngồi			
7	Sở Tư pháp	2	1	3	Xe ô tô từ 4 đến 8 chỗ ngồi			

STT	Cơ quan/Đơn vị	Số lượng xe ô tô phục vụ công tác chung				Số lượng, chủng loại xe ô tô phục vụ công tác chung theo quy định tại khoản 5 Điều 8 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP, sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 153/2025/NĐ-CP		Ghi chú
		Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô theo khoản 1 và điểm a, b, c, d, e, g khoản 3 Điều 11, điểm a, khoản 1 Điều 14 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP; khoản 5, khoản 6 Điều 1 Nghị định số 153/2025/NĐ-CP	Bổ sung định mức tối đa sử dụng xe ô tô theo Khoản 1 và điểm h Khoản 3 Điều 11 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP; khoản 5 Điều 1 Nghị định số 153/2025/NĐ-CP	Số lượng xe ô tô phục vụ công tác chung	Chủng loại xe ô tô phục vụ công tác chung	Số lượng xe ô tô phục vụ công tác chung	Chủng loại xe ô tô phục vụ công tác chung/Nhiệm vụ	
8	Sở Giáo dục và Đào tạo	2	1	3	Xe ô tô từ 4 đến 16 chỗ ngồi			
9	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	3	1	4				
9.1	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	2	1	3	Xe ô tô từ 4 đến 16 chỗ ngồi, xe ô tô bán tải			
9.2	Trung tâm Văn hóa tỉnh	1		1				
10	Sở Nông nghiệp và Môi trường	8	1	9		17		
10.1	Sở Nông nghiệp và Môi trường	5	1	6	Xe ô tô từ 4 đến 8 chỗ ngồi, xe ô tô bán tải	3	Bán tải/Điều tra cơ bản địa chất và khoáng sản; Phục vụ công tác phòng chống dịch bệnh trong nông nghiệp	
10.2	Chi cục Kiểm lâm					12		
	<i>Chi cục Kiểm lâm (Văn phòng)</i>					1	Bán tải/Phục vụ công tác bảo vệ và phát triển rừng, phòng cháy chữa cháy rừng; tuần tra, kiểm tra lâm sản	
	<i>Hạt Kiểm lâm 10 khu vực</i>					10	Bán tải/Phục vụ công tác bảo vệ và phát triển rừng, phòng cháy chữa cháy rừng; tuần tra, kiểm tra lâm sản	
	<i>Đội Kiểm lâm cơ động và Phòng cháy, chữa cháy rừng</i>					1	Bán tải/Phục vụ công tác bảo vệ và phát triển rừng, phòng cháy chữa cháy rừng; tuần tra, kiểm tra lâm sản	
10.3	Trung tâm Khuyến nông	1		1	Xe ô tô từ 4 đến 8 chỗ ngồi, xe ô tô bán tải			
10.4	Trung tâm Tài nguyên và Môi trường					1	Bán tải/Điều tra cơ bản địa chất và khoáng sản	
10.5	Ban Quản lý Rừng đặc dụng và phòng hộ					1	Bán tải/Phục vụ công tác bảo vệ và phát triển rừng, phòng cháy chữa cháy rừng; Tuần tra, kiểm tra lâm sản	
10.6	Văn phòng Đăng ký đất đai	2		2	Xe ô tô từ 4 đến 8 chỗ ngồi, xe ô tô bán tải			
11	Sở Khoa học và Công nghệ	3	1	4	Xe ô tô từ 4 đến 8 chỗ ngồi, xe ô tô bán tải			
12	Sở Xây dựng	5	1	6	Xe ô tô từ 4 đến 8 chỗ ngồi, xe ô tô bán tải			
12.1	Sở Xây dựng	3	1	4				
12.2	Trung tâm Giám định chất lượng và Quy hoạch xây dựng Lạng Sơn	1		1				
12.3	Ban Quản lý bảo trì công trình xây dựng	1		1				
13	Sở Y tế	10	1	11				
13.1	Sở Y tế	2	1	3				
13.2	Bệnh viện Phổi	1		1				

STT	Cơ quan/Đơn vị	Số lượng xe ô tô phục vụ công tác chung			Số lượng, chủng loại xe ô tô phục vụ công tác chung theo quy định tại khoản 5 Điều 8 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP, sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 153/2025/NĐ-CP		Ghi chú
		Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô theo khoản 1 và điểm a, b, c, d, e, g khoản 3 Điều 11, điểm a, khoản 1 Điều 14 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP; khoản 5, khoản 6 Điều 1 Nghị định số 153/2025/NĐ-CP	Bổ sung định mức tối đa sử dụng xe ô tô theo Khoản 1 và điểm h Khoản 3 Điều 11 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP; khoản 5 Điều 1 Nghị định số 153/2025/NĐ-CP	Số lượng xe ô tô phục vụ công tác chung	Chủng loại xe ô tô phục vụ công tác chung	Số lượng xe ô tô phục vụ công tác chung	
13.3	Bệnh viện Y học cổ truyền	2		2	Xe ô tô từ 4 đến 16 chỗ ngồi, xe ô tô bán tải		
13.4	Bệnh viện Phục hồi chức năng	2		2			
13.5	Bệnh viện Đa khoa	2		2			
13.6	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm	1		1			
14	Ban Quản lý Khu kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng - Lạng Sơn	2	1	3			
14.1	Ban Quản lý Khu kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng - Lạng Sơn	1	1	2	Xe ô tô từ 4 đến 8 chỗ ngồi, xe ô tô bán tải		
14.2	Trung tâm Quản lý cửa khẩu	1		1			
15	Văn phòng Ban An toàn giao thông tỉnh	1	1	2	Xe ô tô từ 4 đến 16 chỗ ngồi		
IV	ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP THUỘC TỈNH	6		6			
1	Trường Cao đẳng Lạng Sơn	2		2	Xe ô tô từ 4 đến 16 chỗ ngồi, xe ô tô bán tải, xe ô tô từ 12-16 chỗ		
2	Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch	1		1	Xe ô tô từ 4 đến 8 chỗ ngồi, xe ô tô bán tải		
3	Trung tâm Phát triển quỹ đất	3		3	Xe ô tô từ 4 đến 8 chỗ ngồi, xe ô tô bán tải		
V	BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TỈNH	5		5	Xe ô tô từ 4 đến 8 chỗ ngồi, xe ô tô bán tải		
B	KHỐI XÃ, PHƯỜNG	130		130			
1	Đảng ủy 65 xã, phường (01 xe/xã/phường)	65		65	Xe ô tô từ 4 đến 8 chỗ ngồi, xe ô tô bán tải		
2	Ủy ban nhân dân 65 xã, phường (01 xe/xã/phường)	65		65	Xe ô tô từ 4 đến 8 chỗ ngồi, xe ô tô bán tải		

PHỤ LỤC 02
TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC XE Ô TÔ CHUYÊN DÙNG CỦA CÁC CƠ QUAN,
TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA TỈNH LẠNG SƠN
(Kèm theo Quyết định số 73 /2025/QĐ-UBND ngày 06 /9/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn)

(Đơn vị tính: chiếc)

STT	Cơ quan, tổ chức, đơn vị	Chủng loại xe ô tô chuyên dùng	Số lượng tối đa	Mục đích sử dụng
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>C</i>	<i>D</i>	<i>Đ</i>
A	KHỐI TỈNH			
I	KHỐI VĂN PHÒNG CẤP TỈNH			
1	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	Xe ô tô gắn biển hiệu nhận biết theo quy định của pháp luật	1	Phục vụ công tác chống buôn lậu, gian lận thương mại
II	SỞ, NGÀNH CẤP TỈNH			
1	Trung tâm Điều dưỡng Người có công thuộc Sở Nội vụ	Xe ô tô trên 16 chỗ ngồi đến 29 chỗ ngồi	1	Đưa đón, phục vụ công tác, hoạt động người có công
2	Chi cục Quản lý thị trường thuộc Sở Công Thương	Xe ô tô gắn biển hiệu nhận biết theo quy định của pháp luật	2	Phục vụ công tác chống buôn lậu, gian lận thương mại
3	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch			
3.1	Trung tâm Văn hóa tỉnh	Xe ô tô bán tải gắn thiết bị chuyên dùng và biển hiệu nhận biết theo quy định của pháp luật	15	Phục vụ công tác tuyên truyền, biểu diễn; Tuyên truyền lưu động; Phục vụ phát hành phim và tuyên truyền lưu động theo quy định tại Thông tư số 08/2017/TT-BVHTTDL
3.2	Đoàn Nghệ thuật dân tộc tỉnh			
		Xe ô tô trên 29 chỗ ngồi đến 45 chỗ ngồi	1	Phục vụ công tác tuyên truyền, biểu diễn, chở diễn viên tham gia các hội thi, hội diễn
		Xe ô tô tải	1	Xe chở loa đài, đồ dùng diễn viên
3.3	Thư viện tỉnh	Xe ô tô tải	1	Xe văn hóa lưu động tuyên truyền tại các xã, phường

STT	Cơ quan, tổ chức, đơn vị	Chủng loại xe ô tô chuyên dùng	Số lượng tối đa	Mục đích sử dụng
3.4	Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu thể thao	Xe ô tô trên 16 chỗ ngồi đến 29 chỗ ngồi	1	Phục vụ công tác huấn luyện, chở huấn luyện viên, vận động viên đi thi đấu
3.5	Bảo tàng tỉnh	Xe ô tô tải	1	Phục vụ triển lãm lưu động trên địa bàn các xã, phường
4	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Xe ô tô gắn thiết bị chuyên dùng theo quy định của pháp luật	1	Phục vụ công tác phòng chống thiên tai, bão lũ
5	Sở Khoa học và Công nghệ	Xe ô tô bán tải	1	Phục vụ hoạt động kiểm định, chuyển giao ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ
6	Trung tâm Giám định chất lượng và Quy hoạch xây dựng Lạng Sơn thuộc Sở Xây dựng	Xe ô tô gắn thiết bị chuyên dùng theo quy định của pháp luật	1	Phục vụ công tác kiểm định chất lượng công trình
IV	ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP THUỘC TỈNH			
1	Trường Cao đẳng Lạng Sơn			
		Xe ô tô trên 16 chỗ ngồi đến 45 chỗ ngồi	1	Xe phục vụ công tác giảng dạy, đào tạo
		Xe ô tô tải	1	Xe chở vật tư thực hành
2	Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch	Xe ô tô gắn biển hiệu nhận biết theo quy định của pháp luật	1	Phục vụ công tác khảo sát; kiểm tra các dự án khuyến công, tiết kiệm năng lượng, các dự án hỗ trợ các hợp tác xã trên địa bàn tỉnh; phục vụ công tác xúc tiến du lịch - thương mại, quảng bá hình ảnh, sản vật đặc trưng; tham gia các sự kiện du lịch trong và ngoài tỉnh
B	KHỐI XÃ, PHƯỜNG			
1	Ủy ban nhân dân các phường	Xe ô tô tải	01 xe/phường	Phục vụ công tác đảm bảo trật tự đô thị, trật tự an toàn giao thông tại các phường
<i>Ghi chú: Giá mua xe ô tô phù hợp với giá mua trên thị trường của chủng loại xe tương ứng</i>				